

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 160/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/6/2025

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Võ Văn Cường**
2. Ông **Bùi Văn Màu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Công Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang không tham gia phiên tòa.*

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2025/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp “Xin Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Dạ T**, sinh năm: 1990.

Nơi ĐKKH: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền giang.

Nơi sinh sống: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Tiền giang.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Thái N**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị T, anh N có mặt tại phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Dạ T trình bày:**

- Chị và anh Phạm Thái N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh N không lo làm ăn, thường xuyên ăn nhậu và mắng chửi và đuổi chị đi, dẫn đến tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 2/2024 đến nay. Nay chị yêu cầu xin ly hôn anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/12/2018, hiện do chị nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có.

* Theo Tờ tự khai đề ngày 16/5/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết, bị đơn anh Phạm Thái N trình bày:

- Anh và chị Nguyễn Dạ T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn, trong quá trình sống chung có phát sinh mâu thuẫn như lời chị T khai là đúng, nhưng anh đã thay đổi. Mặc khác do anh làm ăn thất bại, nên dẫn đến mâu thuẫn, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn, do còn thương vợ.

- Về con chung anh và chị T có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/12/2018 do chị T nuôi dưỡng từ khi cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay, nếu ly hôn anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu chị T.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại phiên tòa chị T, anh N vẫn giữ ý kiến, yêu cầu như trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc hôn nhân và con chung với bị đơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn trong vụ án có nơi sinh sống tại huyện C, tỉnh Tiền Giang, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và nuôi con chung với bị đơn, nên xác định đây là tranh chấp Xin ly hôn và nuôi con chung theo quy định tại các Điều 51, Điều 56 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

- Chị và anh Phạm Thái N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2018 ngày 12/7/2018.

Trong thời gian sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, do anh N thường mắng chửi chị T dẫn đến tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đến tháng 2/2024 đến nay. Mặc dù anh N không đồng ý ly hôn nhưng anh không có biện pháp nào hàn gắn, đồng thời tại phiên

tòa anh cũng xác định chị T không còn tình cảm với anh, như vậy chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị đã thật sự tan vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ; Do vậy xét yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. *Về con chung*:

- Chị T và anh N có 01 con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/12/2018, hiện do chị T nuôi dưỡng.

Xét thấy con chung hiện do chị T nuôi dưỡng từ khi anh chị cắt đứt quan hệ vợ chồng đến nay đã ổn định, hơn nữa qua ý kiến tại Tờ tự khai ngày 19/5/2025 cháu H cũng có nguyện vọng được sống với chị T, đồng thời tại phiên tòa anh N cũng thừa nhận chị T có đủ điều kiện nuôi con và cũng đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng Hội đồng xét xử ghi nhận và giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Tại Phiên tòa anh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung trưởng thành là tự nguyện phù hợp quy định tại các Điều 82, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.3]. *Về tài sản chung*: Không có.

[2.4]. *Về nợ chung*: Không có.

[3]. Về án phí: Các bên phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh N chịu án phí phần cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Dạ T;

- Cho chị Nguyễn Dạ T được ly hôn anh Phạm Thái N.

2. *Về con chung*: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị T.

- Giao con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/12/2018 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện anh N và chị T như sau:

Anh N cấp dưỡng nuôi con tên Phạm Gia H, sinh ngày 27/12/2018 cùng chị T mỗi tháng số tiền là 1.000.000 đồng.

- Thời hạn cấp dưỡng nuôi con từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Phạm Gia H, sinh ngày 27/12/2018 đủ 18 tuổi.

- Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí HNGĐ-ST:

- Chị Nguyễn Dạ T chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001542 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như chị T đã thi hành xong tiền án phí.

- Anh Phạm Thái N chịu 300.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- /- - VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- UBND xã Hòa Hưng, CB, TG;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Nhịn

